

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 22/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 266-268N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thu H – Giám đốc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đ

Địa chỉ: Số 360 T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty cổ phần công nghiệp Q.

Người đại diện theo pháp luật ông Lưu Văn T – Tổng giám đốc

Địa chỉ: Cụm công nghiệp T – Hoàn S, thôn Bát Lự, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty cổ phần công nghiệp Q xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S theo các hợp đồng tín dụng dài hạn số LD1716700253 ngày 16/6/2017; LD1716700255 ngày 16/6/2017; LD1716700256 ngày 16/6/2017; LD1716700257 ngày 16/6/2017; LD1716700258 ngày 16/6/2017; LD1720800008 ngày 27/7/2017; LD1722600031 ngày 14/8/2017; LD1722600032 ngày 14/8/2017; LD1722600033 ngày 14/8/2017;

LD1722600034 ngày 14/8/2017; LD1722600035 ngày 14/8/2017 và các khoản vay ngắn hạn (phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1917600080 ngày 25/6/2019 và các thoả thuận sửa đổi bổ sung kèm theo) số LD2027300200 ngày 29/09/2020; LD2027400046 ngày 30/09/2020; LD2027400076 ngày 30/09/2020; LD2027600056 ngày 02/10/2020; LD2028700105 ngày 13/10/2020; LD2028700168 ngày 13/10/2020; LD2028800051 ngày 14/10/2020; LD2028900046 ngày 15/10/2020; LD2028900102 ngày 15/10/2020; LD2028900169 ngày 15/10/2020; LD2028900216 ngày 15/10/2020; LD2029000039 ngày 16/10/2020; LD2029000133 ngày 16/10/2020; LD2029500044 ngày 21/10/2020; LD2029500147 ngày 21/10/2020; LD2105000043 ngày 19/02/2021; LD2105500054 ngày 24/02/2021; LD2105700135 ngày 26/02/2021; LD2026200172 ngày 18/09/2020; LD2026100114 ngày 17/09/2020; LD2026000016 ngày 16/09/2020; LD2025500058 ngày 11/09/2020; LD2025500108 ngày 11/09/2020; LD2025400027 ngày 10/09/2020; LD2025400085 ngày 10/09/2020; LD2025400174 ngày 10/09/2020; LD2025300021 ngày 09/09/2020; LD2025300151 ngày 09/09/2020; LD2025200083 ngày 08/09/2020; LD2025200150 ngày 08/09/2020; LD2025100029 ngày 07/09/2020; LD2025100068 ngày 07/09/2020; LD2025100154 ngày 07/09/2020; LD2024800041 ngày 04/09/2020; LD2024800066 ngày 04/09/2020; LD2024800120 ngày 04/09/2020; LD2024800173 ngày 04/09/2020; LD2024700135 ngày 03/09/2020; LD2024700145 ngày 03/09/2020; LD2024500042 ngày 01/09/2020; LD2024500141 ngày 01/09/2020; LD2024400161 ngày 31/08/2020; LD2024000042 ngày 27/08/2020; LD2024000112 ngày 27/08/2020; LD2024000162 ngày 27/08/2020; LD2023900044 ngày 26/08/2020; LD2023800053 ngày 25/08/2020 tính đến ngày 30/9/2021 là 387.692.575.558đ, trong đó: Nợ gốc là 356.049.444.744đ và tiền lãi là 31.643.130.814đ.

2.1.1. Phương án trả nợ gốc, lãi cụ thể như sau: Chậm nhất ngày 22/12/2021 Công ty cổ phần công nghiệp Q phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 387.692.575.558đ, trong đó: Nợ gốc là 356.049.444.744đ và tiền lãi là 31.643.130.814đ và các khoản lãi phát sinh đến khi thanh toán xong theo các Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Nếu Công ty cổ phần công nghiệp Q không thanh toán thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1716700257/HĐTC ngày 16/6/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1716700256/HĐTC ngày 16/6/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1716700255/HĐTC ngày 16/6/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1720800008/HĐTC ngày 27/7/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1716700253/HĐTC ngày 16/6/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD17722600031/HĐTC ngày 14/8/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1716700258/HĐTC ngày 16/6/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1722600033/HĐTC ngày 14/8/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện

vận tải số LD1722600035/HĐTC ngày 14/8/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1722600032/HĐTC ngày 14/8/2017; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1722600034/HĐTC ngày 14/8/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1917600080/QĐN01 ngày 25/6/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 222 ngày 02/02/2018 và các hợp đồng sửa đổi lần 1 ngày 14/6/2018 và lần 2 ngày 25/6/2019 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp số tiền phát mại, kê biên tài sản bảo đảm không đủ thu hồi toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần công nghiệp Q tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP S cho tới khi thanh toán xong khoản nợ. Ngân hàng TMCP S được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên các tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần công nghiệp Q để thu hồi phần nợ còn thiếu.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng TMCP S phải chịu 2.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định. Xác nhận Ngân hàng TMCP S đã nộp số tiền 2.000.000đ.

2.3. Về án phí: Công ty cổ phần công nghiệp Q phải chịu 123.923.100đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S phải chịu 123.923.100đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 240.893.000đ tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002631, ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 116.969.900đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Tiên Du.
- THADS huyện Tiên Du.
- Các đương sự.
- Lưu HS VP.

THẨM PHÁN

Ngô Xuân Phong